TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2023
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Đại Dương**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Hà**.

2. Ông **Ngô Thanh Hà**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Quang Hà** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Đình Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST–DS, ngày 20/7/2022, về việc: "***Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐST-DS, ngày 24/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS, ngày 09/3/2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/TB-TA, ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn TC, sinh năm 1970 – Chủ đại lý

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Đinh Đình G, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn TC trình bày:

"Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC có cung cấp số lượng phân bón cho ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C. Tính đến ngày 26/01/2021 hai bên chốt nợ ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C còn nợ số tiền mua phân bón là 397.950.000 đồng (theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón ngày 26/01/2021) và tiền lãi kể từ ngày 26/01/2021 đến ngày 31/5/2022 (là 16 tháng) (lãi suất là 1,5%/tháng) làm tròn là 95.500.000 đồng, tổng cộng: 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC yêu cầu ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả dứt điểm khoản nợ trên (cả gốc và lãi) cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC tổng số tiền gốc và lãi là 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 01/6/2022.

Bị đơn trong vụ án là ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C:

Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai. Thẩm phán Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đều được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới có nghĩa vụ trả cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C vẫn có mặt tại địa phương nhưng không không hợp tác để giải quyết vụ án, việc vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự " *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã mua phân còn nợ tổng cộng là 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (mua bán phân bón) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC có cung cấp số lượng phân bón cho ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C chốt nợ tính đến ngày 26/01/2021 hai bên chốt nợ ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C còn nợ số tiền mua phân bón là 397.950.000 đồng (theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón ngày 26/01/2021) và tiền lãi kể từ ngày 26/01/2021 đến ngày 31/5/2022 (là 16 tháng) (lãi suất là 1,5%/tháng) làm tròn là 95.508.000 đồng, tổng cộng: 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

"Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC khởi kiện buộc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho 1 lần đủ số 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 01/6/2022.

Xét yêu cầu của "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC thì thấy rằng: Giao dịch dân sự về việc mua bán phân bón giữa "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC với ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện thoả thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội vì vậy giao dịch này là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng cũng như thực hiện đúng những thoả thuận, cam kết khi xác lập giao dịch. "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC đã thực hiện nghĩa vụ giao đủ số lượng phân bón cho ông G, bà C nhưng ông G, bà C lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả đủ tiền theo thoả thuận cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC. Hàng hóa là phân bón là đối tượng được phép lưu thông trên thị trường. Các bên đã thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng hóa và thanh toán cho nhau một phần và còn nợ lại một phần chưa thanh toán. Như vậy, ông G, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà mình đã cam kết và "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G, bà C phải trả số tiền còn nợ đã mua phân là có căn cứ.

Xét giao dịch giữa "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC với ông G, bà C được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định: "*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*".

Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*".

Theo Giấy xác nhận nợ mua phân bón mà "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC cung cấp chốt nợ tính đến ngày 30/01/2019 hai bên chốt nợ ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C còn nợ số tiền mua phân bón là 397.950.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/01/2021 đến ngày 31/5/2022 là 95.500.000 đồng, tổng cộng: 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này đã được "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà.

Ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ tiền đã mua phân bón cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC như đã thoả thuận theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về lãi suất: "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 1,5%/tháng từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/5/2022 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, "Hộ kinh

doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 01/6/2022 là sự tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC được chấp nhận nên ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 493.450.000 (20.000.000 + (4% x 93.450.000đ))= 23.738.000 đồng. "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chấp nhận yêu cầu của "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC về việc buộc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả số tiền 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 429, 430, 431, 432, 433, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC.

- Buộc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền là 397.950.000 đồng và tiền lãi là 95.500.000 đồng, tổng cộng: 493.450.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.Về án phí:

+ Buộc ông Đinh Đình G, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.738.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng)*.

+ "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho "Hộ kinh doanh" cơ sở kinh doanh hàng nông sản và phân bón TC số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 11.870.000 đồng (*Mười một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010723, ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền khánh cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Đại Dương